

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2021/HNGĐ-ST

Ngày 09/ 7/ 2021

V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Bạc Thị Liên
- Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Bạc Thị Kiên
2. Ông Nguyễn Quang Khải
- Th- ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung -
Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đ.

Ngày 09/7/2021. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 206/2021/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 38/2021/QĐXX-ST ngày 18/6/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị P - Sinh năm 1992 (Có mặt).
Trú tại: T 5, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.
2. Bị đơn: Anh Nguyễn Đức T - Sinh năm 1991 (Vắng mặt có lý do).
Trú tại: Thôn Đ, xã Thanh Nưa, huyện Đ - Tỉnh Điện Biên.

Hiện anh Toàn đang chấp hành án tại: Đội 10, phân trại 1, Trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, thành phố Điện B, tỉnh Điện Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 11/5/2021 và các bản tự khai tại Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, chị Nguyễn Thị P (nguyên đơn) trình bày:

1. Về hôn nhân: Tôi và anh Nguyễn Đức T có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ vào ngày 27/11/2014. Chúng tôi kết hôn là tự nguyện, không bị ai ép buộc. Kết hôn và chung sống được một thời gian ngắn đến tháng 6/2016 thì anh T bị bắt về tội mua bán trái phép chất ma túy và bị đi cải tạo 08 năm tù giam. Hiện anh T đang lao động cải tạo tại trại giam N để lại một mình tôi ở nhà nuôi 01 con nhỏ rất khó khăn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh Toàn bị nghiện chất ma túy hiện nay đang ở trong trại không có thời gian chăm sóc vợ con. Cuộc sống vợ chồng lâu ngày không gặp nhau bất đồng quan điểm từ đó không tìm được tiếng nói chung. Mặc dù được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng chúng tôi không tìm được tiếng nói chung tôi không muốn cứ sống trong khủng hoảng chờ đợi chồng. Vì tình cảm vợ chồng không còn nên tôi

làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đ giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Toàn.

2. Về con chung: Chị P và anh T có 01 con chung Nguyễn Gia H sinh ngày 08/8/2015. Quan điểm chị P xin được nuôi và chăm sóc cháu Gia H vì anh T phải đi chấp hành án. Khi nào anh T ra trại cháu muốn theo anh tôi đồng ý. Về phần cấp dưỡng nuôi con tôi không yêu cầu Tòa giải quyết.

3. Về tài sản: Tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng nương: Chị P không yêu cầu Tòa giải quyết.

Ngày 14/5/2021, sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện Đ đã thông báo nội dung đơn xin ly hôn với các yêu cầu cụ thể của chị Phương cho anh T biết và nhờ trại giam N tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho anh Nguyễn Đức T

Tại bản tự khai ngày 19/5/2021 và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 23/6/2021 anh Nguyễn Đức T (bị đơn) trình bày nh- sau:

1. Về hôn nhân: Tôi và cô Nguyễn Thị P lấy nhau có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ vào ngày 27/11/2014. Chúng tôi kết hôn là tự nguyện, không bị ai ép buộc là đúng. Trước khi vi phạm pháp luật cuộc hôn nhân của tôi và cô P không có mâu thuẫn gì vẫn chung sống hạnh phúc. Do tôi bị đi chấp hành án về tội ma túy, tôi cảm thấy vợ tôi không muốn chờ đợi tôi đến ngày thụ hành xong do cô ấy đã thay lòng và có ý đi tìm hạnh phúc khác nên cô P làm đơn ly hôn tôi đồng ý.

2. Về phần con chung: Chúng tôi có 01 con cháu Nguyễn Gia Hưng. Bản thân tôi đang ở trại giam hiện không đủ điều kiện nuôi con nên tôi nhường quyền nuôi con cho cô Phương. Nguyện vọng của tôi sau này khi chấp hành án xong trở về địa phương tôi sẽ làm đơn lên Tòa án xem xét lại quyền nuôi dưỡng con của tôi.

3. Về tài sản: Tài sản riêng; Tài sản chung; Nợ phải trả; Nợ lấy về; Diện tích ruộng nương: Tôi không có tài sản gì.

Hiện bản thân tôi đang phải chấp hành án tại trại giam N không thể có mặt tại Tòa được đề nghị Tòa xét xử vắng mặt tôi theo quy định của pháp luật tôi đã có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa vào ngày 19/5/2021. Ngoài ra tôi không có ý kiến gì thêm.

Tại phiên tòa hôm nay chị P vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, xin được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ tài sản như nội dung đơn khởi kiện và bản tự khai chị đã trình bày. Anh Toàn có đơn xin xét xử vắng mặt.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về Tố tụng. Bị đơn có địa chỉ tại T, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên do vậy vụ án xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Đức T tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Điện Biên. Do vậy

hôn nhân giữa hai người là hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do anh T sử dụng chất ma túy và bị nghiện ma túy đã bị xử án về tội ma túy hiện anh T phải đi cải tạo 08 năm tù giam tại trại giam N để một mình chị P và một con nhỏ. Vì tình cảm không còn cuộc hôn nhân không có hạnh phúc nên chị P làm đơn xin ly hôn.

Tại bản tự khai ngày 19/5/2021 và đơn xin xét xử vắng mặt gửi cho Tòa anh T đồng ý ly hôn và nhường quyền nuôi con cho chị P vì bản thân anh đang lao động cải tạo không có điều kiện chăm sóc hai mẹ con chị, anh đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên nhân chính do anh T phải đi chấp hành án không có thời gian quan tâm chăm sóc giáo dục con chung và thời gian cho gia đình nên mâu thuẫn không thể hòa giải. Để đảm bảo quyền lợi của chị P và để giải phóng cho chị thoát khỏi tình trạng hiện tại khi mà cuộc hôn nhân không thể đem lại hạnh phúc cho chị, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vì mục đích của hôn nhân không đạt được. Hai anh chị không có thời gian chung sống chăm sóc giúp đỡ nhau, theo Điều 19 luật hôn nhân gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Nhưng hai anh chị không muốn thực hiện quyền và nghĩa vụ quy định tại điều luật này do anh Toàn phải đi chấp hành án. Như vậy không thể đảm bảo hạnh phúc gia đình cho chị Phương cùng con. Áp dụng Điều 51, và Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị P xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Đức Toàn.

[3] Về con chung: Anh chị có 01 chung Nguyễn Gia H sinh ngày 08/8/2015. Quan điểm chị P xin được nuôi và chăm sóc cháu vì anh T phải đi chấp hành án phạt tù, anh T cũng đồng ý để chị phương nuôi con. Khi nào anh T cải tạo xong về anh sẽ làm đơn yêu cầu Tòa xét lại nguyện vọng nuôi con. Phần cấp dưỡng nuôi con hai chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện tại anh Toàn đang phải chấp hành án phạt tù giam anh không thể thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 69 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và xét theo nguyện vọng các bên. Để đảm bảo quyền lợi cho chị P và đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của trẻ, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Phương, căn cứ Khoản 2 Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, giao cháu H cho chị P được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Toàn không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hai bên có quyền đi lại thăm nom giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản: Tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng, nương: Hội đồng xét xử thấy rằng: Hiện tại anh T không thể có mặt tại địa phương để giải quyết phân tài sản của hai vợ chồng. Còn chị P và anh T cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của hai đương sự không xem xét giải quyết về phân tài sản của anh chị.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147/BLTTDS và điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị P phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 69, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị P được ly hôn với anh Nguyễn Đức T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Gia H sinh ngày 08/8/2015 cho chị Nguyễn Thị P được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi d-ỡng giáo dục cho đến khi cháu thành niên và đủ khả năng lao động. Anh T không phải cấp d-ỡng nuôi con chung.

Ng-ời không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai đ-ợc cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Chấp nhận việc không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản của chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Đức T.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147/BLTTDS và điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị P phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, chị P đã nộp tạm ứng số tiền 300.000đ theo biên lai số: 0004782 ngày 13/5/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ. (chị P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm).

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính, hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện DB;
- Chi cục THA huyện DB;
- Các đương sự;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu./

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bạc Thị Liên